

## TÀI LIỆU GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14

### I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

#### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1, 2)

Luật quản lý thuế lần này có bổ sung thêm về phạm vi điều chỉnh là quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

#### 2. Nguyên tắc, nội dung và các hành vi bị cấm trong quản lý thuế (Điều 4, 5, 6)

a) *Về nguyên tắc quản lý thuế:* Mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật; quản lý thuế đảm bảo công khai, minh bạch bình đẳng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế; áp dụng nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế; nguyên tắc quản lý rủi ro và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

b) *Nội dung quản lý thuế:* Luật quản lý thuế mới quy định 11 nhóm nội dung quản lý. Ngoài các nội dung đã được quy định tại Luật quản lý thuế hiện hành thì Luật quản lý thuế mới bổ sung các nội dung sau: Không thu thuế; Khoanh tiền thuế nợ; Áp dụng hoá đơn, chứng từ; Hợp tác quốc tế về thuế và Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

b) *Luật quản lý thuế quy định một số hành vi bị cấm như:* Thông đồng, móc nối, bao che giữa người nộp thuế và công chức, cơ quan quản lý thuế để chuyển giá, trốn thuế; gây phiền hà, sách nhiễu đối với người nộp thuế; cố tình không kê khai hoặc kê khai thuế không đầy đủ, kịp thời, chính xác về số tiền thuế phải nộp; bán hàng, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật, sử dụng hóa đơn không hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn...

#### 3. Về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế:

Về quyền lợi của người nộp thuế, Luật quản lý thuế đã bổ sung thêm quyền cho người nộp thuế, cụ thể: (1) Bổ sung nội dung người nộp thuế không bị xử lý vi phạm về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; (2) được quyền nhận văn bản liên quan đến nghĩa vụ thuế của các cơ quan chức năng khi tiến hành thanh tra kiểm tra, kiểm toán; (3) Được tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử mà mình đã gửi đến công thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và (4) được sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với cơ quan

quản lý thuế và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

## **II. ĐĂNG KÝ THUẾ, KHAI THUẾ, NỘP THUẾ, HOÀN THUẾ**

### **1. Sửa đổi, bổ sung quy định về đồng tiền khai thuế, nộp thuế (Điều 7)**

Quy định rõ đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi; Trường hợp hạch toán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

### **2. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (Điều 8)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác quản lý thuế, trong đó có việc áp dụng rộng rãi phổ biến quản lý thuế điện tử, giao dịch điện tử công khai, minh bạch; đồng thời đảm bảo cơ sở pháp lý để người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan quản lý thuế và các cơ quan quản lý khác đều tham gia vào giao dịch điện tử.

### **3. Bổ sung điều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại trong quản lý thuế (Điều 27)**

Đề bao quát các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quản lý thuế, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bố trí một điều riêng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời, bổ sung các quy định như khấu trừ, nộp thay tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; cung cấp thông tin để quản lý thuế phù hợp với việc quản lý thuế theo phương thức điện tử, đồng bộ trong phát triển Chính phủ điện tử và đảm bảo phù hợp với pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.

### **4. Đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế (Điều 30)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung thêm quy định về: Cấu trúc mã số thuế; Việc cấp mã số thuế; Đăng ký thuế bao gồm những thủ tục nào giúp minh bạch hóa công tác Đăng ký thuế, thực hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan.

### **5. Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu (Điều 31)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật hóa thành phần hồ sơ giúp minh bạch hóa công tác đăng ký thuế, thực hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan.

### **6. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu (Điều 32)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật hóa chi tiết địa điểm nộp hồ sơ giúp minh bạch hóa công tác đăng ký thuế, thực



hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan. Đặc biệt là liên thông đăng ký kinh doanh giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.

#### **7. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu (Điều 33)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật hóa chi tiết thời hạn nộp hồ sơ giúp minh bạch hóa công tác Đăng ký thuế, thực hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan. Đặc biệt là liên thông đăng ký kinh doanh giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.

#### **8. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế (Điều 34)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế từ 10 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp bị mất, rách, nát, cháy giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế, cơ quan thuế cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của người nộp thuế theo quy định so với 5 ngày làm việc như trước đây nhằm cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế.

#### **9. Sử dụng mã số thuế (Điều 35)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật hóa chi tiết việc sử dụng mã số thuế giúp minh bạch hóa công tác Đăng ký thuế, thực hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan, cá nhân có liên quan. Đặc biệt là nghĩa vụ các bên trong việc sử dụng mã số thuế.

#### **10. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế (Điều 36)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định thủ tục thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế. Đặc biệt là việc liên thông giải quyết hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, giúp người nộp thuế nắm được quy định khi thay đổi thông tin đăng ký thuế.

#### **11. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh (Điều 37)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định mới về thực hiện thủ tục thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh giúp người nộp thuế nắm được quy định khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh.

#### **12. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp (Điều 38)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định mới về thực hiện thủ tục Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp giúp người nộp thuế nắm được quy định khi thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp.

### **13. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 39)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật hóa chi tiết về chấm dứt hiệu lực mã số thuế giúp minh bạch hóa công tác Đăng ký thuế, thực hiện thống nhất trong nội bộ cơ quan thuế và các cơ quan, cá nhân có liên quan. Đặc biệt là liên thông đăng ký kinh doanh giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Giúp người nộp thuế nắm được quy định về chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

### **14. Khôi phục mã số thuế (Điều 40)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định mới về khôi phục mã số thuế: Các trường hợp được khôi phục, thành phần hồ sơ, địa điểm nộp hồ sơ tạo điều kiện cho người nộp thuế được khôi phục mã số thuế, hoạt động trở lại.

### **15. Bổ sung nguyên tắc khai thuế tập trung, nộp thuế phân bổ (Khoản 3 Điều 42)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định cho phép người nộp thuế hạch toán tập trung được khai thuế tại trụ sở chính và phân bổ số thuế phải nộp cho địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc. Quy định này nhằm giảm thiểu thủ tục khai thuế cho người nộp thuế (thay vì phải khai thuế tại các đơn vị phụ thuộc thì nay chỉ phải khai thuế tại trụ sở chính), đồng thời vẫn đảm bảo các địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế được hưởng nguồn thu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc đóng trên địa bàn.

### **16. Sửa đổi thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (Điều 44)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng: Quy định thời hạn nộp thuế là ngày cuối cùng của tháng, quý có liên quan để thuận tiện cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc xác định ngày nộp hồ sơ khai thuế; Kéo dài thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế để có thêm thời gian cho cá nhân tổng hợp hồ sơ phù hợp với hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức chi trả; Quy định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp người nộp thuế khai thuế thông qua giao dịch điện tử khi công thông tin địa tử của cơ quan thuế gặp sự cố.

### **17. Sửa đổi quy định khai bổ sung hồ sơ khai thuế (Điều 47)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung theo hướng: Không chế thời hạn người nộp thuế được khai bổ sung trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế để phù hợp với quy định thời hạn truy thu tiền thuế là 10 năm kể từ khi có hành vi vi phạm; Quy định người nộp thuế được khai bổ sung tăng nghĩa vụ thuế trong và sau thanh tra, kiểm tra về thuế nhưng vẫn bị xử phạt như đối với trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, riêng trường hợp khai bổ sung làm giảm nghĩa vụ thuế thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế nhằm mục đích đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật thuế,



đồng thời giảm tiền chậm nộp thuế cho người nộp thuế; Bổ sung quy định hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

**18. Sửa đổi quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế (Điều 48)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung theo hướng: Quy định nguyên tắc tiếp nhận hồ sơ khai thuế qua các hình thức nhận trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, nhận qua đường bưu chính và nhận hồ sơ điện tử; Quy định rõ phải thông báo cho người nộp thuế hoàn chỉnh lại đối với "hồ sơ không hợp pháp, không đầy đủ, không đúng mẫu quy định".

**19. Sửa đổi quy định về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 57)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 sửa đổi thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo hướng thống nhất quy định giữa các loại thuế do cơ quan thuế quản lý và các loại thuế do cơ quan hải quan quản lý, vẫn đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật thuế và nguyên tắc có lợi cho người nộp thuế (giảm thiểu tiền chậm nộp phát sinh thêm).

**20. Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (Điều 60)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 cơ bản kế thừa quy định hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn các quy định về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa như: tính tiền chậm nộp khi người nộp thuế bù trừ với tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ; các trường hợp không hoàn trả tiền nộp thừa và cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh khoản số tiền nộp thừa trên sổ kế toán, trên hệ thống dữ liệu điện tử, để giải quyết các vướng mắc của Luật Quản lý thuế hiện hành đối với người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế.

**21. Bổ sung quy định về việc tính tiền lãi phải thanh toán cho người nộp thuế trong trường hợp khiếu nại, khởi kiện (Điều 61)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định mức tiền lãi phải thanh toán cho người nộp thuế theo tỷ lệ 0,03%/ngày trong trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp được xác định theo kết quả xử lý khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế và phù hợp với việc tính tiền chậm nộp tiền thuế trong trường hợp người nộp thuế nộp thiếu thuế, đồng thời quy định rõ nguồn tiền trả lãi từ ngân sách trung ương, để giải quyết các vướng mắc của Luật Quản lý thuế hiện hành đối với người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế.

**22. Các trường hợp hoàn thuế (Điều 70)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã tổng hợp, khái quát các trường hợp được hoàn thuế của Luật hiện hành thành 2 nhóm: (1) Được hoàn thuế theo quy

định của pháp luật về chính sách thuế như hoàn thuế GTGT, hoàn thuế TTĐB ... trong trường hợp NNT có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra phát sinh trong kỳ. Theo đó, các quy định về hoàn thuế được quy định các văn bản pháp luật về chính sách thuế. (2) Được hoàn thuế trong trường hợp NNT đã nộp tiền vào NSNN (theo chứng từ nộp tiền) lớn hơn số nghĩa vụ phát sinh phải nộp (theo tờ khai, quyết định, thông báo thuế) nhằm mục đích để có các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế theo từng nhóm khoa học hơn và người nộp thuế dễ theo dõi, dễ thực hiện.

### **23. Hồ sơ hoàn thuế (Điều 71)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định NNT nộp hồ sơ hoàn thuế cho CQ QLT có thẩm quyền để bảo đảm tương ứng với các điều khoản về giao thẩm quyền giải quyết hồ sơ hoàn thuế tại các Điều 72 và Điều 76 Luật này.

### **24. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế (Điều 72)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định về cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế hoàn nộp thừa: Cơ quan thuế quản lý khoản thu (khoản nộp thừa) tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế để loại bỏ bớt các khâu trung gian, giảm bớt thủ tục hành chính cho các CQT và KBNN, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT sớm nhận được tiền hoàn thuế. Trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa.

### **25. Phân loại hồ sơ hoàn thuế (Điều 73)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bỏ quy định hồ sơ hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thuộc diện hồ sơ kiểm tra, vì trong một số trường hợp, các hồ sơ hoàn thuế này được NNT tuân thủ tốt, ít xảy ra rủi ro thì CQT không cần tập trung nguồn lực để kiểm tra trước mọi hồ sơ. Việc kiểm tra hồ sơ của trường hợp theo điều ước sẽ do CQT phân loại rủi ro để đưa vào đối tượng kiểm tra hay không cho phù hợp thực tế tuân thủ của NNT hoặc tính chất của trường hợp hoàn thuế.

### **26. Bổ sung quy định về địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế (Điều 74)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định mới nhằm xác định cách thức thực hiện công tác xử lý hồ sơ hoàn thuế tương ứng với việc phân loại hồ sơ hoàn thuế.

### **27. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế (Điều 75)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định về trả tiền lãi trường hợp việc chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế với nguồn tiền trả lãi được chi từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước nhằm tăng cường trách nhiệm giải quyết hồ sơ hoàn thuế đối



với CQT, công chức thuế và bảo đảm quyền lợi cho NNT. Bộ quy định về thời hạn kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế trước và các quy định về kiểm tra sau hoàn thuế sẽ được thực hiện theo cơ chế quản lý rủi ro của cơ quan thuế phù hợp với thực tiễn công tác quản lý thuế và lịch sử tuân thủ pháp luật của NNT.

### **28. Bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế (Điều 76)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế tương ứng với từng trường hợp hoàn thuế bảo đảm minh bạch về thẩm quyền và tăng tính trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan thuế các cấp trong công tác giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

### **29. Bổ sung quy định về việc thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế (Điều 77)**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 bổ sung quy định mới về thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế theo phương thức quản lý rủi ro. Trình tự, thủ tục thanh tra, kiểm tra hoàn thuế được thực hiện thống nhất theo các trường hợp thanh tra, kiểm tra được quy định tại pháp luật quản lý thuế và pháp luật thanh tra bảo đảm tính thống nhất trong cách thức kiểm soát tính tuân thủ của NNT thông qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

## **III. GIAO DỊCH LIÊN KẾT, CƠ CHẾ THỎA THUẬN TRƯỚC VỀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ, THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

### **1. Quản lý thuế liên quan đến giao dịch liên kết (Điều 3)**

Bổ sung quy định vào Luật quản lý thuế tạo nền tảng pháp lý quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế các doanh nghiệp cơ quan hệ liên kết qua đó ngăn ngừa, hạn chế các hành vi chuyển lợi nhuận, tránh thuế, làm xói mòn cơ sở thuế. Luật không quy định một chương riêng về giao dịch liên kết mà bổ sung vào các Điều có liên quan để làm rõ các khái niệm về giao dịch liên kết và các nội dung liên quan đến quản lý thuế đối với giao dịch liên kết (giao dịch độc lập, báo cáo liên quốc gia, nguyên tắc bản chất quyết định hình thức...);

### **2. Cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (Điều 3, Điều 19, Điều 42)**

Tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, nội dung quy định liên quan đến cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đã được quy định cụ thể hơn so với Luật Quản lý thuế trước đây, cụ thể:

1. Về cơ sở dữ liệu sử dụng cho phương pháp xác định giá tính thuế: quy định về cơ sở dữ liệu thương mại đã được định nghĩa cụ thể, được Người nộp thuế cung cấp cho Cơ quan thuế để sử dụng trong công tác quản lý thuế, cụ thể trong cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế. Bên cạnh đó, Luật

cũng đưa ra yêu cầu chặt chẽ hơn đối với việc sử dụng cơ sở dữ liệu thương mại cần có sự kiểm chứng bảo đảm tính pháp lý.

2. Về thẩm quyền phê duyệt cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế: được ngay vào nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế APA, thẩm quyền phê duyệt APA.

### **3. Quản lý thuế đối với thương mại điện tử**

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định liên quan đến quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) như: Đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam. Một số công việc cần triển khai thực hiện.

## **IV. CÔNG TÁC THANH TRA KIỂM TRA**

### **1. Các trường hợp và căn cứ ấn định thuế**

- Bổ sung thêm các trường hợp ấn định thuế đối với trường hợp người nộp thuế không chấp hành các quyết định thanh tra thuế, kiểm tra thuế theo quy định; Mua, trao đổi hàng hóa sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế;

Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

Không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết hoặc không cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.

- Căn cứ ấn định thuế bổ sung thêm một số căn cứ mới: cơ sở dữ liệu thương mại.

### **2. Quyền nghĩa vụ của cơ quan kiểm toán, thanh tra**

Việc quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, kiểm toán để nhằm phân định trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra người nộp thuế. Đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.

## **V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN**

### **1. Quy định về Hội đồng tư vấn thuế xã phường, thị trấn**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ số lượng, quy mô kinh doanh của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế xã phường thị trấn và quy định về kinh phí hoạt động của HĐTVT xã, phường, thị trấn.



## **2. Quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế (Điều 44)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định lùi thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

## **3. Quy định về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ (Điều 51)**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai.

## **4. Quy định miễn thuế đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống (Điều 79)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định miễn thuế đối với Cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống.

## **5. Quy định về không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với các trường hợp: (Điều 141)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn.

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo doanh thu, mức thuế ấn định của cơ quan thuế.

## **VI. TỔ CHỨC DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ (ĐẠI LÝ THUẾ)**

### **1. Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế**

Nhằm thúc đẩy hệ thống đại lý thuế phát triển, Luật QLT sửa đổi bổ sung theo hướng mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế của Đại lý thuế. Theo đó, dịch vụ do ĐLT cung cấp cho NNT theo hợp đồng bao gồm:

- Thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục về thuế khác thay NNT;

- Dịch vụ tư vấn thuế;

- Dịch vụ kế toán cho DN siêu nhỏ. Tuy nhiên, để được thực hiện nhiệm vụ này các ĐLT phải có ít nhất một người có chứng chỉ kế toán viên.

## **2. Nâng cao tiêu chuẩn đối với người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và quy định cập nhật kiến thức định kỳ cho Nhân viên đại lý thuế.**

Nhằm ngày một nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của đại lý thuế, Luật QLT sửa đổi quy định nâng cao tiêu chuẩn đối với người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, quy định thời gian kinh nghiệm công tác tăng từ 36 tháng lên thành 48 tháng và trình độ từ cao đẳng lên thành đại học. Đồng thời, để đảm bảo nhân viên đại lý thuế có kiến thức thực hiện các dịch vụ cung cấp cho khách hàng thì hàng năm nhân viên đại lý thuế hàng năm phải tham gia các khóa đào tạo cập nhật kiến thức.

## **VII. CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ**

### **1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

+ Bổ sung quy định nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn (sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định) dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

+ Luật hóa nguyên tắc trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

- *Về biên bản vi phạm hành chính:* bổ sung quy định Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế của người nộp thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt.

### **2. Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

- *Về miễn tiền phạt vi phạm hành chính:* bổ sung quy định miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế cho người nộp thuế (bao gồm cả cá nhân và tổ chức) bị thiệt hại do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.

- *Về các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính:* bổ sung các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính:

+ Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế trong các trường hợp sau đây: người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã bị ấn định thuế theo phương pháp khoán thuế.



+ Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong trường hợp người nộp thuế khai sai dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nếu đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và tự giác khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

## **2. Hành vi vi phạm**

+ Bổ sung một số hành vi sau:

Xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết nhưng cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền khi thanh tra, kiểm tra kết luận số liệu thanh tra, kiểm tra khác với số liệu đã khai của người nộp thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn.

Xử phạt về hành vi trốn thuế đối với hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.

+ Luật hóa quy định xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp sử dụng hóa đơn không hợp pháp thuộc lỗi của người bán.

- Về mức phạt tiền đối với hành vi trốn thuế: bổ sung quy định mức phạt tiền tối đa đối với hành vi hành vi trốn thuế thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế (không phân biệt tổ chức hay cá nhân vi phạm).

## **VIII. QUẢN LÝ NỢ THUẾ**

### **1. Quy định về không tính tiền chậm nộp đối với người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Điều 59)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định rõ đối tượng được xem xét không tính tiền chậm nộp bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán. Về số tiền thuế nợ là tổng số tiền thuế còn nợ NSNN của người nộp thuế nhưng không vượt quá số tiền NSNN chưa thanh toán.

**2. Quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với người nộp thuế là cơ sở kinh doanh có chi nhánh, đơn vị trực thuộc chấm dứt hoạt động mà vẫn còn nợ thuế (Điều 67)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định người nộp thuế có chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, nếu chi nhánh, đơn vị phụ thuộc chấm dứt hoạt động mà vẫn còn nợ thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc.

**3. Quy định về việc kế thừa nghĩa vụ nộp thuế của cá nhân là người đã chết, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người mất tích theo quy định của pháp luật dân sự (Điều 69)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định đối với trường hợp cá nhân bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất năng lực hành vi dân sự đã được xóa nợ thuế, khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì số nợ tiền thuế đã được xóa được phục hồi lại và người nộp thuế phải nộp đủ vào NSNN.

**4. Quy định về xóa nợ đối với hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (Điều 85)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 bổ sung trường hợp hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thuộc trường hợp được xóa nợ thuế.

**5. Quy định về xóa nợ đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng (Điều 85)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định xóa nợ đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng đã được xem xét miễn tiền chậm nộp và đã được gia hạn nộp thuế theo mà vẫn còn thiệt hại, không có khả năng phục hồi được sản xuất, kinh doanh.

**6. Quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trước khi xuất cảnh (Điều 124)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 đã quy định cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đang bị cưỡng chế trước khi xuất cảnh và có thể bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

**7. Quy định về nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế (Điều 125)**

Luật QLT số 38/2019/QH14 quy định đối với 3 biện pháp cưỡng chế: trích tiền từ tài khoản, khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, dùng làm thủ tục hải quan; cơ quan thuế căn cứ vào tình hình thực tế để áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp. Đối với biện pháp cưỡng chế: ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên tài sản, thu từ bên thứ ba, thu hồi giấy phép; cơ quan thuế không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trước thì chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế sau. Nếu biện pháp



cưỡng chế chưa hết hiệu lực mà không có hiệu quả thì cơ quan thuế được áp dụng biện pháp cưỡng chế trước đó hoặc chuyển biện pháp cưỡng chế tiếp theo./.

## **CHI CỤC THUẾ QUẬN TÂN BÌNH**

